

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 24/ /QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Cấp cứu Ngoại viện
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch nhiệm kỳ 2020-2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quy định số 1570/QĐ-TĐHYKPNT ngày 16 tháng 5 năm 2023 về Xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đại học, sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Nghị quyết số 234/NQ-TĐHYKPNT-HĐT ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Cấp cứu Ngoại viện;

Căn cứ Kế hoạch số 3113/KH-TĐHYKPNT ngày 06 tháng 11 năm 2024 Xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Cấp cứu Ngoại viện và xây dựng hồ sơ xin cấp phép mở ngành đào tạo trình độ đại học Cấp cứu Ngoại viện ;

Căn cứ Quyết định số 4673/QĐ-TĐHYKPNT ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học Cấp cứu Ngoại viện;

Căn cứ theo Quyết định 4085/QĐ-TĐHYKPNT ngày 22/10/2024 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc phân công nhiệm vụ giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Biên bản tại phiên họp Hội đồng Khoa học - Đào tạo ngày 14 tháng 11 năm 2024 Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học đề án mở ngành Cấp cứu Ngoại viện;

Căn cứ Biên bản tại phiên họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học Cấp cứu Ngoại viện ngày 19 tháng 12 năm 2024;

Theo đề nghị của Trường Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bản mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Cấp cứu Ngoại viện, dự kiến tuyển sinh vào năm học 2025-2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học, Trưởng Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, Trưởng các bộ môn và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Ban Giám Hiệu (để c/đạo);
- Công TTĐT Trường (để t/báo);
- Lưu: VT, QLĐTĐH, KĐDKTYH(N_20). 



TS. BS. Phan Nguyễn Thanh Vân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CẤP CỨU NGOẠI VIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 241/QĐ-TĐHYKPNT ngày 20 tháng 01 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1.1. Trình độ đào tạo : Đại học
- 1.2. Ngành đào tạo : Cấp cứu ngoại viện
(Paramedic)
- 1.3. Hình thức đào tạo : Chính quy
- 1.4. Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt
- 1.5. Mã ngành :
- 1.6. Thời gian đào tạo : 04 năm
- 1.7. Văn bằng tốt nghiệp : Cử nhân Cấp cứu ngoại viện (Bachelor of Science in Paramedic)
- 1.8. Khối lượng kiến thức toàn khóa: **132 tín chỉ**
- 1.9. Chuẩn đầu vào : Tốt nghiệp Trung học Phổ thông và theo quy định của đề án tuyển sinh hằng năm của Trường
- 1.10. Chương trình đào tạo : Định hướng nghề nghiệp

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Giáo dục toàn diện - Hướng về cộng đồng - Lấy người học làm trung tâm.

2.2. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

Tầm nhìn: Phát triển thành một trong những đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế.

2.3. Chiến lược của Trường

Nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển các chương trình đào tạo đạt chuẩn trong nước và chuẩn quốc tế. Tăng cường tiếng Anh trong đào tạo. Tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, số lượng các bài đăng quốc tế, nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học; định kỳ tổ chức các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Xây dựng mô hình Viện - Trường, với cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đạt mức hiện đại, đáp ứng công nghệ mới.

2.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.4.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp với mục tiêu đào tạo Cấp cứu viên ngoại viện trình độ đại học có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học cấp cứu để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe của cá nhân và cộng đồng trong các tình huống y tế khẩn cấp. Có trình độ ngoại ngữ và có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong bảo vệ và chăm sóc khỏe nhân dân.

2.4.2. Mục tiêu cụ thể:

a. Về kiến thức

- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng, y học cộng đồng trong nhận định, chẩn đoán, cấp cứu ngoại viện và phòng bệnh;
- Áp dụng phương pháp luận khoa học trong tình huống cấp cứu, ổn định và duy trì sức khỏe người bệnh trong các tình huống y tế khẩn cấp và nghiên cứu khoa học;
- Có kiến thức về pháp luật và chính sách bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b. Về kỹ năng

- Nhận định, thăm khám, chẩn đoán được các tình trạng bệnh lý thường gặp và các trường hợp chấn thương;
- Đánh giá được các xét nghiệm cận lâm sàng cơ bản trong công tác cấp cứu ngoại viện;
- Thực hiện đúng các kỹ thuật, thủ thuật can thiệp trong cấp cứu ngoại viện cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và đảm bảo an toàn hiện trường;
- Sử dụng thuốc cho người bệnh an toàn theo danh mục quy định của Bộ Y tế.
- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân;
- Điều phối nguồn lực, làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm liên ngành, đa ngành trong các tình huống y tế khẩn cấp;
- Quản lý và cân bằng cảm xúc của cá nhân, gia đình, cộng đồng;
- Áp dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

c. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan trong các hoạt động chuyên môn độc lập hoặc làm việc nhóm.
- Tham gia hướng dẫn cá nhân, gia đình và cộng đồng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong quá trình cấp cứu.
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành chuyên môn.
- Lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn;

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PLO 1	PLO1. Vận dụng những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế Chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.
	PI 1.1. Giải thích được những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
	PI 1.2. Vận dụng được những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động xã hội, hoạt động chuyên môn.
	PI 1.3. Chủ động trong học tập, tôn trọng tính kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
PLO 2	PLO2. Đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (tương đương với B1 khung Châu Âu), đồng thời sử dụng được ngoại ngữ trong môi trường làm việc, cập nhật kiến thức chuyên môn Y khoa.
	PI 2.1. Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập hoặc thực hành nghề nghiệp.
	PI 2.2. Đọc hiểu, sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để phục vụ quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp.
PLO 3	PLO3. Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng dụng một số phần mềm chuyên dụng để xử lý dữ liệu thống kê trong nghiên cứu Y khoa.
	PI 3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và tra cứu tài liệu chứng cứ khoa học hiệu quả.
	PI 3.2. Thao tác cơ bản với phần mềm công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.
	PI 3.3. Ứng dụng các thiết bị liên lạc, hỗ trợ trong thực hành nghề nghiệp.
PLO 4	PLO 4. Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, y học lâm sàng, cận lâm sàng và y học cộng đồng để giải quyết các vấn đề cấp cứu ngoại viện hiệu quả.
	PI 4.1. Phân tích được một tình huống cấp cứu ngoại viện bằng cách áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở chính xác.

n

	PI 4.2. Phân tích được một tình huống cấp cứu ngoại viện bằng cách áp dụng kiến thức bệnh học, y học lâm sàng, cận lâm sàng chính xác.
	PI 4.3. Phân tích được một tình huống cấp cứu ngoại viện bằng cách áp dụng kiến thức y học cộng đồng chính xác.
PLO 5	PLO 5. Giao tiếp hiệu quả trong thực hành cấp cứu ngoại viện.
	PI 5.1. Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh trong các tình huống cấp cứu ngoại viện.
	PI 5.2. Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp trong các tình huống cấp cứu ngoại viện.
	PI 5.3. Giao tiếp có hiệu quả với các lực lượng liên ngành, đa ngành trong các tình huống cấp cứu ngoại viện.
PLO 6	PLO 6. Thực hành cấp cứu ngoại viện đúng theo quy định trong các tình huống y tế khẩn cấp.
	PI 6.1. Giải thích được các quy định của pháp luật trong các tình huống cấp cứu ngoại viện.
	PI 6.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành cấp cứu ngoại viện.
PLO 7	PLO 7. Áp dụng được các chứng cứ y học trong thực hành cấp cứu ngoại viện, tự định hướng học tập suốt đời và tham gia nghiên cứu khoa học.
	PI 7.1. Xử trí tình huống cấp cứu ngoại viện theo các bằng chứng khoa học phù hợp.
	PI 7.2. Xác định được nhu cầu học hỏi của bản thân theo quan điểm học tập suốt đời.
	PI 7.3. Thực hiện được chuyên đề khoa học liên quan đến ngành cấp cứu ngoại viện có áp dụng chứng cứ y học phù hợp.
PLO 8	PLO 8. Tham gia được công tác điều phối cấp cứu trong các tình huống y tế khẩn cấp.
	PI 8.1. Mô tả chính xác hệ thống và cách sử dụng hệ thống ứng cứu khẩn cấp trong tiếp nhận và điều phối cấp cứu.
	PI 8.2. Xử lý được thông tin tình huống y tế khẩn cấp hiệu quả thông qua tổng đài cấp cứu.
	PI 8.3. Điều phối hiệu quả nguồn lực cấp cứu trong các tình huống mô phỏng y tế khẩn cấp.

PLO 9	PLO 9. Thực hiện được công tác của một cấp cứu viên ngoại viện trong các tình huống cấp cứu.
	PI 9.1. Thực hiện hiệu quả các kỹ thuật cấp cứu ngoại viện theo danh mục được ban hành, trong các tình huống mô phỏng cấp cứu ngoại viện.
	PI 9.2. Sử dụng thuốc và các trang thiết bị cấp cứu phù hợp theo danh mục quy định.
	PI 9.3. Phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp, liên ngành và đa ngành trong các tình huống cấp cứu ngoại viện.
PLO 10	PLO 10. Thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
	PI 10.1. Hướng dẫn được kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu cho người khác.
	PI 10.2. Lựa chọn đúng các phương tiện truyền thông hiệu quả khi giáo dục sức khỏe.
	PI 10.3. Thực hiện được tư vấn nâng cao sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh trong một tình huống cấp cứu ngoại viện.

Ghi chú: PLO là viết tắt của thuật ngữ Program Learning Outcomes (Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo); PI là viết tắt của thuật ngữ Performance Indicator (Chỉ số đánh giá).

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

4.1. Vị trí việc làm

- Cấp cứu viên tại các Trung tâm Cấp cứu, các Trạm cấp cứu vệ tinh, cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

- Nhân viên y tế, tổ chức và điều hành tại các Trung tâm cấp cứu, các Trạm cấp cứu vệ tinh, cơ sở y tế, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn.

4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tham gia học sau đại học trong và ngoài nước: thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Cấp cứu ngoại viện;

- Có khả năng tham gia học các khóa ngắn hạn, đào tạo liên tục trong lĩnh vực cấp cứu.

- Có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực y khoa.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT và theo quy định của Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

5.2. Quy định đào tạo: Theo hình thức tín chỉ, theo đúng quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần theo đúng tỷ lệ của từng khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo, hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất, chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh, đạt chuẩn năng lực Ngoại ngữ và hoàn thành các nghĩa vụ khác của người học.

STT	Điều kiện	Mức độ đạt được	Ghi chú
1	Kết quả học tập	Tích lũy đủ 132 tín chỉ; Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4) hoặc 4,00 trở lên (thang điểm 10).	
2	Kết quả rèn luyện	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập.	
3	Điều kiện Ngoại ngữ	Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 tương đương với trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu.	Sinh viên tự tích lũy
4	Điều kiện Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất	Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục Thể chất.	

6. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

6.1. Tổ chức dạy học

- Tổ chức dạy học trực tiếp: Nhà trường sẽ tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khoá biểu của từng học kỳ. Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các phòng thực tập tại cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

- Tổ chức dạy học trực tuyến: Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các môn học/học phần của chương trình đào tạo, có các phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình/ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần/môn học có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp (blended-learning) với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh,... vẫn đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

6.2. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia

các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Bảng 1. Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra (PLO)

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Phương pháp thuyết giảng có lồng ghép dạy học tích cực	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm					X			X	X	X
Trình diễn làm mẫu và thực hành lại			X	X	X		X	X	X	X
Giảng dạy thông qua thực hành			X	X	X	X		X	X	X
Dạy học dựa trên vấn đề					X		X	X	X	X
Dạy học dựa trên tình huống					X			X	X	X
Dạy học dựa trên mô phỏng					X			X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (LƯỢNG GIÁ)

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học được dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả chương trình đào tạo này.

7.1. Đánh giá quá trình

- Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo.

- Đánh giá quá trình bao gồm (1) Tính chuyên cần; (2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và khả năng thuyết trình; (3) Đảm bảo an toàn, quy trình kỹ thuật; (4) Có đủ điểm thành phần theo quy định tại Quy chế đào tạo trình độ Đại học của Trường.

7.2. Đánh giá kết thúc học phần

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học kỳ hoặc khi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo. Thi học phần lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận, tiểu luận, khóa luận; thi học phần thực hành thông qua thi thực hành cấu trúc theo mục tiêu (OSCE), xử lý tình huống mô phỏng, ...

Bảng 2. Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLO)

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Tiểu luận	X						X	X	X	X
Tự luận	X						X	X	X	X
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (MCQ)/ Câu hỏi ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề				X	X		X	X	X	X
Thực hành kỹ năng					X	X		X	X	X
Tình huống lâm sàng					X			X	X	X
Thi lâm sàng cấu trúc theo mục tiêu (OSCE)					X			X	X	X
Giải quyết tình huống mô phỏng					X	X		X	X	X
Thi thực hành cấu trúc theo mục tiêu (OSPE)				X				X	X	X
Khoá luận tốt nghiệp				X			X	X	X	X

8. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**8.1. Cấu trúc chương trình đào tạo****Bảng 3. Cấu trúc chương trình đào tạo**

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương (Chưa kể các phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)	19 (14,4%)
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp , trong đó: - Kiến thức cơ sở của ngành - Kiến thức ngành và chuyên ngành bắt buộc - Kiến thức chuyên ngành tự chọn	101 (76,5%) 31 (23,5%) 66 (50%) 04 (3,0%)
3	Học phần tốt nghiệp - Khoá luận tốt nghiệp hoặc Học phần thay thế Khoá luận tốt nghiệp - Thực tế tốt nghiệp	12 (9,1%) 08 (6,1%) 04 (3,0%)
Tổng cộng (132 tín chỉ, 58 học phần)		132 (100%)

8.2. Nội dung chi tiết chương trình

Bảng 4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
					LT	TH	
1. Kiến thức giáo dục đại cương							
1	11001001	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism - Leninism	3	3	0	Không
2	11001002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism - Leninism	2	2	0	Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin.
3	11001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2	0	Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin.
4	11001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.
5	11001005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Revolutionary path of the Communist Party of Vietnam	2	2	0	Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.
6	11002006	Tin học đại cương	Basic Informatics	2	1	1	Không.
7	11004007	Giáo dục thể chất	Physical education*				
8	11080008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	National defense education*				

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
					LT	TH	
9	11072009	Pháp luật đại cương và Pháp luật chăm sóc sức khỏe	Introduction to Laws and Healthcare related Laws	2	2	0	Không.
10	11003010	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	Medical English 1	2	2	0	Không.
11	11003011	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Medical English 2	2	2	0	Học phần học trước: Ngoại ngữ chuyên ngành 1.
Tổng cộng (Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng - An ninh)				19*	18	1	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1. Kiến thức cơ sở của ngành							
12	21045012	Kỹ năng giao tiếp và Truyền thông giáo dục sức khỏe	Communication Skills and Health Education	2	1	1	Không.
13	21007013	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Pathophysiology - Immunology	2	2	0	Học phần học trước: Hóa sinh; Sinh lý.
14	21070014	Tâm lý y học - Y đức	Medical Psychology & Ethics	2	2	0	Không.
15	21002015	Thống kê y học	Biostatistics	2	1	1	Học phần học trước: Tin học đại cương.
16	21012016	Sinh học - Di truyền	Biology - Genetics	2	2	0	Học phần học trước: Hóa sinh.
17	21047017	Đánh giá thể chất và sức khỏe	Physical and Health Assessment	2	1	1	Học phần học trước: Giải phẫu.
18	21065018	Dịch tễ học cơ bản	Basic Epidemiology	2	2	0	Không.
19	21048019	Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng	Scientific research - Evidence - based practice	3	2	1	Học phần học trước: Thống kê y học; Dịch tễ học.

✓

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
					LT	TH	
20	21005020	Giải phẫu	Anatomy	3	2	1	Không.
21	21007021	Sinh lý	Physiology	3	2	1	Học phần học trước: Giải phẫu; Hóa sinh.
22	21047022	Lãnh đạo – quản lý trong chăm sóc sức khỏe	Leadership-Management in Health care	2	2	0	Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2.
23	21006023	Vi sinh - Ký sinh	Microbiology - Parasitology	2	2	0	Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Sinh lý bệnh - Miễn dịch.
24	21013024	Hóa sinh	Biochemistry	2	1	1	Không.
25	21045025	Sức khỏe môi trường	Environmental Health	2	2	0	Học phần tiên quyết: Vi sinh - Ký sinh.
Tổng cộng				31	24	7	
2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành bắt buộc							
26	31042026	Điều dưỡng cơ sở 1	Fundamental Nursing 1	4	1	3	Học phần học trước: Giải phẫu; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý.
27	31042027	Điều dưỡng cơ sở 2	Fundamental Nursing 2	2	0	2	Học phần học trước: Điều dưỡng cơ sở 1.
28	31031028	Bệnh lý Nội khoa	Internal Medicine Diseases	3	3	0	Học phần tiên quyết: Giải phẫu; Sinh lý; Sinh lý bệnh - Miễn dịch.
29	31032029	Bệnh lý Ngoại khoa	Surgical Diseases	3	3	0	Học phần tiên quyết: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe.
30	31034030	Bệnh lý Nhi khoa	Pediatric Disease	2	2	0	Học phần tiên quyết: Giải phẫu;

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
					LT	TH	
							Sinh lý; Bệnh lý Nội khoa; Bệnh lý Ngoại khoa.
31	31035031	Bệnh lý Truyền nhiễm	Infectious Disease	2	2	0	Học phần tiên quyết: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe. Học phần học trước: Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học.
32	31033032	Bệnh lý Sản phụ khoa	Obstetrics and Gynecologic Disease	2	2	0	Không.
33	31028033	Hồi sức cấp cứu	Emergency & Critical Care	2	2	0	Học phần tiên quyết: Giải phẫu; Sinh lý; Sinh lý bệnh - Miễn dịch. Học phần học trước: Bệnh lý Nội khoa; Bệnh lý Ngoại khoa.
34	31037034	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Infection Control	2	1	1	Học phần học trước: Giải phẫu; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dược lý.
35	31063035	Dược lý - Dược lâm sàng liên quan cấp cứu hồi sức	Pharmacology - Clinical Pharmacy in emergency resuscitation	3	2	1	Học phần học trước: Sinh lý; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Vi sinh - Ký sinh.
36	31047036	Cấp cứu ban đầu	First Aid	2	1	1	Học phần học trước: Giải phẫu;

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
					LT	TH	
							Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe
37	31047037	Đánh giá cận lâm sàng cơ bản	Basic Subclinical Assessment	2	1	1	Học phần học trước: Sinh lý; Hóa sinh.
38	31047038	Thực hành bệnh lý 1 (Nội - Ngoại)	Clinical Practice 1	2	0	2	Học phần học trước: Bệnh lý Nội khoa; Bệnh lý Ngoại khoa.
39	31047039	Thực hành bệnh lý 2 (Nhi - Nhiễm - Sản)	Clinical Practice 2	3	0	3	Học phần học trước: Bệnh lý Nhi khoa; Bệnh lý Sản phụ khoa; Bệnh lý Truyền nhiễm.
40	31045040	Sức khỏe cộng đồng	Community Health	2	1	1	Không.
41	31047041	Tâm thần và lạm dụng thuốc	Psychiatric and drug abuse	3	1	2	Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học
42	31047042	Hợp tác đa ngành và Điều phối cấp cứu	Multi-sectoral cooperation - Emergency Dispatch	4	2	2	Học phần học trước: Tin học đại cương; Kỹ năng giao tiếp và truyền thông giáo dục sức khỏe.
43	31047043	Cấp cứu ban đầu nâng cao	Advanced First Aid	2	0	2	Học phần học trước: Cấp cứu ban đầu
44	31047044	Cấp cứu ngoại viện 1 (Cấp cứu		4	2	2	Học phần học trước: Bệnh lý

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
					LT	TH	
		<i>nội khoa, ngoại khoa và chấn thương</i>)	Paramedics 1 (Medical, Surgical, and Trauma Emergencies)				Nội khoa; Bệnh lý Ngoại khoa; Bệnh lý Nhi khoa; Bệnh lý Sản phụ khoa; Bệnh lý Truyền nhiễm.
45	31047045	Thực hành Cấp cứu ngoại viện 1 (<i>Thực hành Cấp cứu nội khoa, ngoại khoa và chấn thương</i>)	Paramedic Clinical Practice 1 (Medical, Surgical, and Trauma Emergencies)	4	0	4	Học phần học trước: Cấp cứu ngoại viện 1.
46	31047046	Cấp cứu ngoại viện 2 (<i>Cấp cứu nhi, sản, nhiễm</i>)	Paramedics 2 (Pediatric, Obstetric, and Infectious Emergencies)	3	1	2	Học phần học trước: Cấp cứu ngoại viện 1; Thực hành Cấp cứu ngoại viện 1.
47	31047047	Thực hành Cấp cứu ngoại viện 2 (<i>Thực hành Cấp cứu nhi, sản, nhiễm</i>)	Paramedic Clinical Practice 2 (Pediatric, Obstetric, and Infectious Emergencies)	3	0	3	Học phần học trước: Cấp cứu ngoại viện 2.
48	31047048	Ứng dụng công nghệ thông tin và Sử dụng phương tiện, trang thiết bị trong cấp cứu ngoại viện	Application of Information Technology and Use of Medical Equipment in Paramedics	2	0	2	Học phần học trước: Tin học đại cương.
49	31047049	Thực hành Hồi sức cấp cứu	Emergency & Critical Care Practice	2	0	2	Học phần học trước: Hồi sức cấp cứu.

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
					LT	TH	
50	31047050	Ứng phó thương vong hàng loạt và thảm họa	Mass Casualty and Disaster Response	3	2	1	Học phần học trước: Hợp tác đa ngành và điều phối cấp cứu, Cấp cứu ngoại viện 1; Cấp cứu ngoại viện 2.
Tổng cộng				66	29	37	
2.3. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 02 trong 05 học phần)							
51	30047051	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa chống độc	Practice in Paramedics - Specialty Poison (Elective)	2	0	2	Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.
52	30047052	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bỏng	Practice in Paramedics - Specialty Burn (Elective)	2	0	2	Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.
53	30047053	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa chấn thương - chỉnh hình	Practice in Paramedics - Specialty Orthopedic (Elective)	2	0	2	Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.
54	30047054	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bệnh lý mạch máu nội khoa	Practice in Paramedics - Internal Vascular Disease (Elective)	2	0	2	Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.
55	30047055	Quản lý hệ thống điều phối cấp cứu	Medical Emergency Dispatch Management	2	0	2	Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.
Tổng cộng				4	0	4	



TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
					LT	TH	
3. Học phần tốt nghiệp							
3.1. Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp							
56	40047056	Khóa luận tốt nghiệp	Minor Thesis	8	0	8	Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc và chuyên ngành tự chọn.
57	40047057	Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	Substitute subjects	8	0	8	Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc và chuyên ngành tự chọn.
Tổng cộng				8	0	8	
3.2. Thực tế tốt nghiệp							
58	41047058	Thực tế tốt nghiệp	Graduation Practicum	4	0	4	Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc và chuyên ngành tự chọn.
Tổng cộng				4	0	4	

8.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 5. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1	Triết học Mác - Lênin	5	2	2	1	2	2	2	2	1	2
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	5	2	2	1	2	2	2	2	1	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	5	2	2	1	2	2	2	2	1	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	2	1	2	2	2	2	1	2
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	5	2	2	1	2	2	2	2	2	2
6	Tin học đại cương	1	2	5	1	1	1	2	1	1	1

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
7	Giáo dục thể chất	Học phần bắt buộc để đáp ứng điều kiện tốt nghiệp									
8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh										
9	Pháp luật đại cương và Pháp luật chăm sóc sức khỏe	2	1	1	2	2	4	3	2	3	2
10	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	1	4	2	1	3	2	2	2	2	2
11	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	1	4	2	1	3	2	2	2	2	2
12	Kỹ năng giao tiếp và Truyền thông giáo dục sức khỏe	1	2	2	3	5	2	2	2	3	5
13	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1	2	1	5	2	1	4	2	3	2
14	Tâm lý y học - Y đức	1	1	1	4	4	2	1	1	2	3
15	Thống kê y học	1	2	5	1	1	1	3	1	1	1
16	Sinh học - Di truyền	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2
17	Đánh giá thể chất và sức khỏe	1	2	2	3	3	3	3	3	3	3
18	Dịch tễ học cơ bản	1	2	2	3	2	2	4	2	2	2
19	Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng	1	1	1	1	1	1	5	2	1	2
20	Giải phẫu	1	2	1	5	2	1	2	2	2	2
21	Sinh lý	1	2	1	5	2	1	3	2	2	2
22	Lãnh đạo – quản lý trong chăm sóc sức khỏe	1	2	2	2	3	3	3	4	3	3
23	Vi sinh - Ký sinh	1	2	1	5	2	1	2	2	2	2
24	Hóa sinh	1	2	1	5	2	1	3	1	2	2
25	Sức khỏe môi trường	1	1	1	4	1	1	1	1	1	1
26	Điều dưỡng cơ sở 1	1	1	2	4	4	3	2	3	3	3
27	Điều dưỡng cơ sở 2	1	1	1	4	4	1	3	3	3	3
28	Bệnh lý Nội khoa	1	2	2	4	3	3	4	3	3	3
29	Bệnh lý Ngoại khoa	1	2	1	3	3	3	4	3	3	3

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
30	Bệnh lý Nhi khoa	2	2	2	5	5	2	3	5	5	5
31	Bệnh lý Truyền nhiễm	1	2	1	3	3	3	4	3	3	3
32	Bệnh lý Sản phụ khoa	1	2	2	5	2	3	5	3	3	2
33	Hồi sức cấp cứu	1	1	1	3	5	2	2	4	3	4
34	Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	2	2	5	3	3	4	2	2	3
35	Dược lý - Dược lâm sàng liên quan cấp cứu hồi sức	1	1	1	4	1	1	1	1	3	1
36	Cấp cứu ban đầu	1	2	2	3	5	5	4	3	5	5
37	Đánh giá cận lâm sàng cơ bản	1	2	3	3	2	3	4	2	3	3
38	Thực hành bệnh lý 1 (<i>Nội-Ngoại</i>)	1	2	2	4	3	3	4	3	3	3
39	Thực hành bệnh lý 2 (<i>Nhi - Nhiễm - Sản</i>)	1	2	2	4	3	3	4	3	3	3
40	Sức khỏe cộng đồng	1	2	3	5	4	3	4	2	2	5
41	Tâm thần và lạm dụng thuốc	1	2	2	3	4	3	4	3	3	4
42	Hợp tác đa ngành và Điều phối cấp cứu	1	2	3	3	5	5	3	5	5	5
43	Cấp cứu ban đầu nâng cao	1	2	2	3	3	3	4	3	5	4
44	Cấp cứu ngoại viện 1 (<i>Cấp cứu nội khoa, ngoại khoa và chấn thương</i>)	1	2	1	4	5	3	3	3	4	5
45	Thực hành Cấp cứu ngoại viện 1 (<i>Thực hành Cấp cứu nội khoa, ngoại khoa và chấn thương</i>)	1	2	1	4	5	3	3	3	4	5
46	Cấp cứu ngoại viện 2 (<i>Cấp cứu nhi, sản, nhiễm</i>)	1	2	1	4	5	3	3	3	4	5
47	Thực hành Cấp cứu ngoại viện 2 (<i>Cấp cứu nhi, sản, nhiễm</i>)	1	2	1	4	5	3	3	3	4	5
48	Ứng dụng công nghệ thông tin và Sử dụng phương tiện, trang thiết bị trong cấp cứu ngoại viện	1	2	4	2	4	2	3	4	5	2

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
49	Thực hành Hồi sức cấp cứu	1	1	1	3	5	2	2	4	3	4
50	Ứng phó thương vong hàng loạt và thảm họa	1	2	2	3	5	3	3	4	5	3
51	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa chống độc	1	2	2	4	5	5	3	5	5	5
52	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bỏng	1	2	2	4	5	5	3	5	5	5
53	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa chấn thương - chỉnh hình	1	2	2	4	5	5	3	5	5	5
54	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bệnh lý mạch máu nội khoa	1	2	2	4	5	5	3	5	5	5
55	Quản lý hệ thống điều phối cấp cứu	1	2	2	4	5	5	3	5	5	5
56	Khóa luận tốt nghiệp	2	3	4	4	4	3	5	3	3	4
57	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	2	3	4	4	4	3	5	3	3	4
58	Thực tế tốt nghiệp	3	3	3	4	5	5	4	5	5	5

Ghi chú: Đánh dấu vào các ô của ma trận bằng các số từ 1 đến 5 với diễn giải mức đáp ứng chuẩn đầu ra của các học phần như sau:

- 1: Không đáp ứng
- 2: Ít đáp ứng
- 3: Đáp ứng trung bình
- 4: Đáp ứng nhiều
- 5: Đáp ứng rất nhiều

8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Bảng 6. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1	11001001	Triết học Mác - Lênin	3	X							
2	11001002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		X						

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
3	11001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			X					
4	11001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				X				
5	11001005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2					X			
6	11002006	Tin học đại cương	2	X							
7	11004007	Giáo dục thể chất	3								
8	11080008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8								
9	11072009	Pháp luật đại cương và Pháp luật chăm sóc sức khỏe	2	X							
10	11003010	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	2						X		
11	11003011	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	2							X	
12	21045012	Kỹ năng giao tiếp và Truyền thông giáo dục sức khỏe	2		X						
13	21007013	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2		X						
14	21070014	Tâm lý y học - Y đức	2	X							
15	21002015	Thống kê y học	2		X						
16	21012016	Sinh học - Di truyền	2	X							
17	21047017	Đánh giá thể chất và sức khỏe	2		X						
18	21065018	Dịch tễ học cơ bản	2			X					
19	21048019	Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng	3						X		
20	21005020	Giải phẫu	3	X							
21	21007021	Sinh lý	3		X						
22	21047022	Lãnh đạo – quản lý trong chăm sóc sức khỏe	2				X				
23	21006023	Vi sinh - Ký sinh	2		X						
24	21013024	Hóa sinh	2	X							

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
25	21045025	Sức khoẻ môi trường	2			X					
26	31042026	Điều dưỡng cơ sở 1	4			X					
27	31042027	Điều dưỡng cơ sở 2	2			X					
28	31031028	Bệnh lý Nội khoa	3				X				
29	31032029	Bệnh lý Ngoại khoa	3				X				
30	31034030	Bệnh lý Nhi khoa	2					X			
31	31035031	Bệnh lý Truyền nhiễm	2				X				
32	31033032	Bệnh lý Sản phụ khoa	2						X		
33	31028033	Hồi sức cấp cứu	2						X		
34	31037034	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2					X			
35	31063035	Dược lý - Dược lâm sàng liên quan cấp cứu hồi sức	3			X					
36	31047036	Cấp cứu ban đầu	2		X						
37	31047037	Đánh giá cận lâm sàng cơ bản	2			X					
38	31047038	Thực hành bệnh lý 1 (Nội - Ngoại)	2				X				
39	31047039	Thực hành bệnh lý 2 (Nhi - Nhiễm - Sản)	2					X			
40	31045040	Sức khoẻ cộng đồng	2					X			
41	31047041	Tâm thần và lạm dụng thuốc	3						X		
42	31047042	Hợp tác đa ngành và Điều phối cấp cứu	4						X		
43	31047043	Cấp cứu ban đầu nâng cao	2					X			
44	31047044	Cấp cứu ngoại viện 1 (Cấp cứu nội khoa, ngoại khoa và chấn thương)	4						X		
45	31047045	Thực hành Cấp cứu ngoại viện 1 (Thực hành Cấp cứu nội khoa, ngoại khoa và chấn thương)	4							X	

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
46	31047046	Cấp cứu ngoại viện 2 (<i>Cấp cứu nhi, sản, nhiễm</i>)	3							X	
47	31047047	Thực hành Cấp cứu ngoại viện 2 (<i>Cấp cứu nhi, sản, nhiễm</i>)	3							X	
48	31047048	Ứng dụng công nghệ thông tin và Sử dụng phương tiện, trang thiết bị trong cấp cứu ngoại viện	2				X				
49	31047049	Thực hành Hồi sức cấp cứu	2						X		
50	31047050	Ứng phó thương vong hàng loạt và thảm họa	3							X	
51	30047051	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa chống độc	2							X	
52	30047052	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bỏng	2							X	
53	30047053	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa chấn thương - chỉnh hình	2								X
54	30047054	Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bệnh lý mạch máu nội khoa	2								X
55	30047055	Quản lý hệ thống điều phối cấp cứu	2								X
56	40047056	Khóa luận tốt nghiệp	8								X
57	40047057	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	8								X
58	41047058	Thực tế tốt nghiệp	4								X

8.5. Mô tả chi tiết học phần

1. Triết học Mác - Lênin - 3(3,0)

Học phần học trước: Không.

Là học phần đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng. Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin.

✓

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin - 2(2,0)

Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 06 chương bao quát những nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học - 2(2,0)

Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, gắn với những vấn đề chính trị - xã hội tại Việt Nam và quốc tế hiện nay. Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); Chương 2 đến Chương 7, trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh - 2(2,0)

Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình học được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về cơ sở hình thành phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống các quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam - 2(2,0)

Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học thuộc chương trình đại cương của sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng. Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Tin học đại cương - 2(1,1)

Học phần học trước: Không.

Học phần cung cấp kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) theo thông tư: 03/2014/TT-BTTTT, bao gồm các chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản, và 3 chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao: xử lý văn bản nâng cao, sử dụng bảng tính nâng cao, sử dụng trình chiếu nâng cao. Môn học này được giảng dạy vào học kỳ I của năm thứ nhất.

7. Giáo dục Thể chất

Nội dung theo Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình học phần Giáo dục Thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.

8. Giáo dục Quốc phòng - An ninh

Nội dung theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/4/2020 về việc Ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

9. Pháp luật đại cương và Pháp luật chăm sóc sức khỏe - 2(2,0)

Học phần học trước: Không.

Pháp luật Đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe là học phần bắt buộc, thuộc về nhóm Kiến thức cơ sở ngành. Pháp luật Đại cương được xây dựng nhằm: mở rộng những tri thức phổ thông, lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; cung cấp một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; bồi dưỡng niềm tin cho người học để có thói quen lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, tạo dựng tình cảm, củng cố lòng tin của người học về những giá trị chuẩn mực của pháp luật. Các luật liên quan gồm: Bộ luật lao động; Luật phòng chống tham nhũng lãng phí; Luật khiếu nại; Luật tố cáo, Luật sở hữu trí tuệ. Pháp luật chăm sóc sức khỏe cung cấp các kiến thức về các luật liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe người dân như các Luật: Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Luật Bảo hiểm y tế nhằm giúp người học vận dụng vào lĩnh vực hành nghề y tế sau khi tốt nghiệp.

10. Ngoại ngữ chuyên ngành 1 - 2(2,0)

Học phần học trước: Không.

Ngoại ngữ chuyên ngành 1 giúp sinh viên làm quen với tiếng Anh chuyên ngành thông qua việc học và thực hành những chủ đề liên quan đến ngành học và cách diễn tả những vấn đề mang tính khái quát như mô tả cơn đau, các triệu chứng thường gặp trong cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên ôn lại ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và hỗ trợ sinh viên giải quyết các câu hỏi đọc hiểu thông qua việc sử dụng chiến lược làm bài.

11. Ngoại ngữ chuyên ngành 2 - 2(2,0)

Học phần học trước: Ngoại ngữ chuyên ngành 1.

Ngoại ngữ 2 giúp sinh viên hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc, thường gặp trong công việc ở bệnh viện hay phòng khám. Sinh viên có thể xử

✓

lý các tình huống xảy ra trong giao tiếp. Sinh viên nắm những điểm ngữ pháp cơ bản, đồng thời mở rộng và nâng cao những điểm ngữ pháp đã học ở Ngoại ngữ 1. Sinh viên có thể sử dụng nhiều dạng câu để giao tiếp trong công việc.

12. Kỹ năng giao tiếp và Truyền thông giáo dục sức khỏe - 2(1,1)

Học phần học trước: Không.

Học phần gồm 2 nội dung về kỹ năng giao tiếp và truyền thông giáo dục sức khỏe. Trong đó kỹ năng giao tiếp cung cấp các kiến thức cơ bản kết hợp các bài tập thực hành về các nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp với các bối cảnh khác nhau. Từ đó hình thành thái độ tích cực, tự tin trong giao tiếp nhằm đạt hiệu quả cao. Ngoài ra hình thành một trong những hệ thống kỹ năng sống cho sinh viên góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp. Đối với truyền thông giáo dục sức khỏe là những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện và các kỹ năng giáo dục sức khỏe trang bị cho cấp cứu viên ngoại viện trong công tác nâng cao sức khỏe cho của cá nhân gia đình và cộng đồng, đảm bảo việc lựa chọn những phương pháp phương tiện kỹ năng truyền thông phù hợp với từng đối tượng.

13. Sinh lý bệnh - Miễn dịch - 2(2,0)

Học phần học trước: Hóa sinh; Sinh lý.

Học phần này được xây dựng dựa trên các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung. Vận dụng kiến thức Sinh lý bệnh vào việc học tập và mô hình bệnh tật.

Miễn dịch học nghiên cứu về cách thức mà cơ thể chống lại các tác nhân gây miễn cảm, gây bệnh đến từ môi trường bên ngoài hoặc bên trong cơ thể. Các rối loạn cấu trúc và chức năng của hệ thống đề kháng này có thể đưa đến các bệnh lý nhiễm trùng, quá miễn, tự miễn, ung bướu. Ngoài vai trò cung cấp cơ sở khoa học cho những lập luận biện chứng về bệnh nguyên và bệnh sinh của những nhóm bệnh lý nêu trên, miễn dịch học hiện đại còn cung cấp nền tảng cho việc hình thành, phát triển các phương pháp phòng ngừa và điều trị bệnh (Vaccine, ghép tạng...); Các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán y khoa được sử dụng rộng rãi trong y học ngày nay (ELISA, miễn dịch huỳnh quang...).

14. Tâm lý y học - Y đức - 2(2,0)

Học phần học trước: Không.

Tâm lý y học - Y đức là học phần cơ bản trong chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên kiến thức và kinh nghiệm trong cuộc sống thực tế và nghề nghiệp, bao gồm:

- Ý nghĩa sự phát triển của lĩnh vực tâm lý học trong thực tiễn cuộc sống và vai trò, nhiệm vụ của tâm lý y học trong lĩnh vực nghề nghiệp;

- Các thành phần cơ bản và các nguyên tắc vận hành của hoạt động tâm lý, bao gồm: Cơ sở giải phẫu và sinh lý của hoạt động tâm lý, hoạt động nhận thức, hoạt động cảm xúc, hoạt động hành vi, nhân cách, sự phát triển tâm lý liên quan đến độ tuổi;

- Phân tích được tâm lý của người bệnh và bản thân người thầy thuốc để đạt được hiệu quả trong việc xây dựng mối quan hệ điều trị tốt giữa thầy thuốc và người bệnh và thân nhân người bệnh.

15. Thống kê y học - 2(1,1)

Học phần học trước: Tin học đại cương.

Đây là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp thống kê áp dụng trong khoa học sức khỏe và kỹ năng sử dụng phần mềm SPSS để xử lý một số thống kê thường dùng. Từ đó, sinh viên có thể đánh giá các Y văn ở khía cạnh thống kê và lựa chọn được phương pháp thống kê phù hợp nhằm giải quyết 1 vấn đề sức khỏe. Học phần này được giảng dạy vào học kỳ II của năm thứ 1.

16. Sinh học - Di truyền - 2(2,0)

Học phần học trước: Không.

Học phần này là sự kết hợp của 2 học phần Sinh học tế bào và Di truyền y học. Trong học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của tế bào người và động vật, từ đó hiểu và biết được vai trò và chức năng của tế bào trong cơ thể sống. Ngoài ra, sinh viên có thêm kiến thức về lĩnh vực di truyền y học, tìm hiểu các khái niệm cơ bản cũng như phân loại được các bệnh di truyền phổ biến trong y học. Học phần này được xem như là học phần cơ bản, cung cấp những kiến thức hữu ích để giúp sinh viên có thể học tập hiệu quả trong khối ngành chăm sóc sức khỏe.

17. Đánh giá thể chất và sức khỏe - 2(1,1)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý.

Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về quy trình thăm khám thể chất thường gặp. Qua học phần này, sinh viên sẽ phát triển được những kỹ năng thăm khám cần thiết để phát hiện những bất thường của nạn nhân hay nhận định được nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh giúp sinh viên có thể đưa ra những nhận định ban đầu, chẩn đoán sơ bộ phù hợp. Từ đó có thể có những can thiệp hợp lý, kịp thời, đảm bảo an toàn người bệnh.

18. Dịch tễ học - 2(2,0)

Học phần học trước: Sức khỏe môi trường.

Dịch tễ học cơ bản cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về nghiên cứu dịch tễ học và các số đo dịch tễ. Bên cạnh đó, sinh viên được giới thiệu, tìm hiểu các thiết kế nghiên cứu dịch tễ và ứng dụng trong giải quyết các vấn đề sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp chăm sóc người bệnh.

19. Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng - 3(2,1)

Học phần học trước: Thống kê y học.

Học phần “Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng ứng dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

20. Giải phẫu - 3(2,1)

Học phần học trước: Không.

Giải phẫu học hệ thống gồm 07 bài lý thuyết, 07 bài thực hành 01 bài kiểm tra giữa kì (lý thuyết), 01 bài kiểm tra cuối kỳ (lý thuyết + thực tập) về tổng quan, vị trí, tương quan, cấu tạo đại thể và phương thức hoạt động về mặt cấu trúc của những thành phần trong một hệ cơ quan, là nền tảng của các học phần tiếp theo và ứng dụng thực tế khi thực hành lâm sàng.

21. Sinh lý - 3(2,1)

Học phần học trước: Không.

Học phần này được xây dựng dựa trên kiến thức cơ bản về vai trò chức năng và cơ chế hoạt động của tế bào, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể con người, sự điều hòa hoạt động một cách thống nhất giữa các thành phần này với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Những kiến thức về sinh lý học là cơ sở để giải thích các rối loạn về mặt chức năng trong cơ thể, ứng dụng vào quá trình học các môn y học cơ sở và các môn y học lâm sàng khác.

22. Lãnh đạo – quản lý trong chăm sóc sức khỏe - 2(2,0)

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2.

Học phần này nhằm phát triển khả năng quản lý và lãnh đạo của sinh viên khối ngành sức khỏe trong công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh. Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân biệt được chức năng nhiệm vụ các cấp, các thông tư của Bộ Y tế. Ngoài ra, sinh viên nắm vững được các quy trình giải quyết vấn đề và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh.

23. Vi sinh - Ký sinh - 2(2,0)

Học phần học trước: Không.

Học phần cung cấp các kiến thức đại cương về vi sinh vật, ký sinh trùng bao gồm các đặc điểm sinh học, bệnh lý học, chẩn đoán, điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên có khả năng tư vấn cho cá nhân và cộng đồng về biện pháp phòng chống bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây ra.

24. Hóa sinh - 2(1,1)

Học phần học trước: Không.

Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về cấu trúc, sự chuyển hóa và tổng hợp các phân tử cơ bản trong cơ thể Glucid, Lipid, Protid, Enzyme, Hemoglobin, Acid Nucleic và các bệnh lý liên quan.

25. Sức khỏe môi trường - 2(2,0)

Học phần học trước: Không.

Học phần này gồm một số kiến thức cơ bản về các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, mối liên quan giữa môi trường và sức khỏe. Các biện pháp nâng cao sức khỏe dự phòng bệnh tật, các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng. Đề xuất các biện pháp giải quyết các biện pháp cơ bản nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống để phòng chống tai nạn và phòng bệnh.

26. Điều dưỡng cơ sở 1 - 4(1,3)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các nguyên tắc Điều dưỡng làm nền tảng cho thực hành lâm sàng trong tương lai, bao gồm các khái niệm và hành vi trong hoạt động chăm sóc toàn diện của môi trường y tế. Nhấn mạnh các khái niệm lý thuyết và thực hành về các kỹ năng Điều dưỡng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, người bệnh, gia đình và cộng đồng, đặc biệt là bước đầu ứng dụng quy trình Điều dưỡng trong chăm sóc. Thực tập cơ sở tại Lab mô phỏng sẽ cung cấp kinh nghiệm thực tế trong việc áp dụng các nguyên tắc và kỹ năng được giảng dạy trong phần lý thuyết của học phần này.

27. Điều dưỡng cơ sở 2 - 2(0,2)

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ sở 1.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các nguyên tắc Điều dưỡng làm nền tảng cho thực hành lâm sàng trong tương lai, bao gồm các khái niệm và hành vi trong hoạt động chăm sóc toàn diện của môi trường y tế. Nhấn mạnh các khái niệm lý thuyết và thực hành các kỹ năng Điều dưỡng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, người bệnh có các vấn đề ở hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, đặc biệt là ứng dụng quy trình Điều dưỡng trong chăm sóc.

28. Bệnh lý Nội khoa - 3(3,0)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản các trường hợp bệnh lý nội khoa cho sinh viên nhằm giúp sinh viên có khả năng chăm sóc toàn diện và hiệu quả nhằm phục hồi, duy trì sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh. Đồng thời học phần này cũng giúp sinh viên nắm bắt được các dữ kiện dựa trên các nhu cầu sức khỏe của người bệnh, thân nhân người bệnh, nhận định, phân tích, đưa ra chẩn đoán, lập kế hoạch và đưa ra hướng giải quyết một cách chính xác dựa trên bằng chứng.

29. Bệnh lý Ngoại khoa - 3(3,0)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học.

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản các trường hợp bệnh lý ngoại khoa cho sinh viên nhằm giúp sinh viên có khả năng chăm sóc toàn diện và hiệu quả nhằm phục hồi, duy trì sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh. Đồng thời học phần này cũng giúp sinh viên nắm bắt được các dữ kiện dựa trên các nhu cầu sức khỏe của người bệnh, thân nhân người bệnh, nhận định, phân tích, đưa ra chẩn đoán, lập kế hoạch và đưa ra hướng giải quyết một cách chính xác dựa trên bằng chứng.

30. Bệnh lý Nhi khoa - 2(2,0)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản các trường hợp bệnh lý nhi khoa cho sinh viên nhằm giúp sinh viên có khả năng chăm sóc toàn diện và hiệu quả nhằm phục hồi, duy trì sức khỏe cho bệnh nhi, thân nhân bệnh nhi. Đồng thời học phần này cũng giúp sinh viên nắm bắt được các dữ kiện dựa trên các nhu cầu sức khỏe của bệnh nhi, thân nhân bệnh nhi, nhận định, phân tích, đưa ra chẩn đoán, lập kế hoạch và đưa ra hướng giải quyết một cách chính xác dựa trên bằng chứng.

31. Bệnh lý Truyền nhiễm - 2(2,0)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học.

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản các trường hợp bệnh lý truyền nhiễm cho sinh viên nhằm giúp sinh viên có khả năng chăm sóc toàn diện và hiệu quả nhằm phục hồi, duy trì sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh. Đồng thời học phần này cũng giúp sinh viên nắm bắt được các dữ kiện dựa trên các nhu cầu sức khỏe của người bệnh, thân

nhân người bệnh, nhận định, phân tích, đưa ra chẩn đoán, lập kế hoạch và đưa ra hướng giải quyết một cách chính xác dựa trên bằng chứng.

32. Bệnh lý Sản phụ khoa - 2(2,0)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học.

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản các trường hợp bệnh lý Sản phụ khoa cho sinh viên nhằm giúp sinh viên có khả năng chăm sóc toàn diện và hiệu quả nhằm phục hồi, duy trì sức khỏe sinh sản cho phụ nữ trong giai đoạn trước, trong và sau mang thai. Ngoài ra học phần này giúp sinh viên nắm bắt được các dữ kiện dựa trên các nhu cầu sức khỏe của phụ nữ trong độ tuổi mang thai, nhận định, phân tích, đưa ra chẩn đoán, lập kế hoạch và đưa ra hướng giải quyết một cách chính xác dựa trên bằng chứng.

33. Hồi sức cấp cứu - 2(2,0)

Học phần học trước: Đánh giá thể chất và sức khỏe; Điều dưỡng cơ bản; Cấp cứu ban đầu; Bệnh học Nội khoa; Bệnh học Ngoại khoa; Bệnh học Nhi khoa; Bệnh học Sản phụ khoa; Bệnh học Truyền nhiễm.

Học phần Hồi sức cấp cứu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, học phần này cung cấp khối lượng kiến thức cơ bản về hồi sức cấp cứu giúp sinh viên có thể xây dựng được một kế hoạch xử trí cho người bệnh hồi sức cấp cứu. Đồng thời trang bị cho sinh viên cách vận hành sử dụng một số y dụng cụ thiết bị trong hồi sức cấp cứu.

34. Kiểm soát nhiễm khuẩn - 2(1,1)

Học phần học trước: Giải phẫu; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dược lý; Điều dưỡng cơ sở 1, 2.

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn và dịch tễ học bệnh viện, các kiến thức về miễn dịch, vi sinh liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn, sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các qui trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn và vai trò nhiệm vụ của người cấp cứu viên ngoại viện trong kiểm soát nhiễm khuẩn. Học phần này sẽ được học vào học kỳ 5 của Chương trình đào tạo.

35. Dược lý - Dược lâm sàng liên quan cấp cứu hồi sức - 3(2,1)

Học phần học trước: Sinh lý; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Vi sinh - Ký sinh.

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về một số thuốc thông thường có trong danh mục thuốc Cấp cứu - Hồi sức. Ngoài ra học phần còn trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học, những ứng dụng lâm sàng, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng của các thuốc thường dùng trong chuyên ngành Cấp cứu ngoại viện.

36. Cấp cứu ban đầu - 2(1,1)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, những nguyên tắc về sơ cấp cứu ban đầu cho sinh viên Cấp cứu ngoại viện. Nhằm giúp sinh viên biết cách tiếp cận, xử trí nhanh và cách vận chuyển người bị nạn an toàn trong các tình huống cấp cứu thường gặp từ đó tăng cơ hội sống sót cho nạn nhân trong các trường hợp nguy cấp.

37. Đánh giá cận lâm sàng cơ bản - 2(1,1)

Học phần học trước: Sinh lý, Hóa sinh

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản giúp sinh viên có thể đánh giá nhanh cận lâm sàng như đọc kết quả điện tim, kết quả X - Quang, kết quả xét nghiệm (huyết học, sinh hóa...) của nạn nhân, phục vụ cho việc nhận định tình trạng nạn nhân và công tác cấp cứu ngoại viện.

38. Thực hành bệnh lý 1 (Nội - Ngoại) - 2(0,2)

Học phần học trước: Bệnh lý Nội khoa; Bệnh lý Ngoại khoa.

Học phần này giúp sinh viên áp dụng những kiến thức đã học ở hai môn học Bệnh lý Nội khoa, Ngoại khoa để theo dõi sự diễn tiến của người bệnh trên lâm sàng. Sinh viên sẽ có cơ hội theo dõi tình trạng người bệnh trên lâm sàng, các kết quả cận lâm sàng theo diễn tiến của các bệnh lý thường gặp, nhận biết được tác dụng của điều trị, xử trí cho người bệnh.

39. Thực hành bệnh lý 2 (Nhi - Nhiễm - Sản) - 3(0,3)

Học phần học trước: Bệnh lý Nhi khoa; Bệnh lý Sản phụ khoa; Bệnh lý Truyền nhiễm.

Học phần này giúp sinh viên áp dụng những kiến thức đã học ở ba môn học Bệnh lý Nhi khoa, Sản phụ khoa và Truyền nhiễm để theo dõi sự diễn tiến của người bệnh trên lâm sàng. Sinh viên sẽ có cơ hội theo dõi tình trạng người bệnh trên lâm sàng, các kết quả cận lâm sàng theo diễn tiến của các bệnh lý thường gặp, nhận biết được tác dụng của điều trị, xử trí trên người bệnh.

40. Sức khỏe cộng đồng - 2(1,1)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học.

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống chăm sóc sức khỏe trong đó tập trung vào việc duy trì và cải thiện sức khỏe của toàn bộ cộng đồng hoặc một nhóm người trong cùng một khu vực cụ thể một cách toàn diện, chứ không chỉ tập trung vào việc điều trị bệnh cá nhân. Nội dung chính của sức khỏe cộng đồng là gồm việc xác định và quản lý các yếu tố gây bệnh và tạo ra các chương trình giáo dục sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, khi học học phần này sinh viên có thể tiếp cận cách kiểm soát dịch bệnh trong cộng đồng và quan tâm đến việc đảm bảo an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe của người lao động trong đó có cả nhân viên y tế.

41. Tâm thần và lạm dụng thuốc - 3(1,2)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý; Đánh giá thể chất và sức khỏe; Vi sinh - Ký sinh; Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dịch tễ học.

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến việc chăm sóc sức khỏe tâm thần trong cấp cứu ngoại viện. Nội dung cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản và các triệu chứng tâm thần thường gặp; Các phương pháp trị liệu; Những trạng thái rối loạn tâm thần cần cấp cứu.

W

42. Hợp tác đa ngành và Điều phối cấp cứu - 4(2,2)

Học phần học trước: Tin học đại cương; Kỹ năng giao tiếp và truyền thông giáo dục sức khoẻ.

Học phần Hợp tác đa ngành đề cập đến những vấn đề chung về việc hợp tác đa ngành trong lĩnh vực dịch vụ y tế khẩn cấp. Sinh viên được cung cấp các khái niệm cơ bản về kiến thức về việc hợp tác đa ngành trong lĩnh vực dịch vụ y tế khẩn cấp. Học phần cũng đề cập đến các kiến thức chuyên ngành để nhằm mục đích giúp sinh viên củng cố và cập nhật kiến thức chuyên ngành mới. Học phần giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức chuyên ngành đã học vào việc hợp tác đa ngành trong lĩnh vực dịch vụ y tế khẩn cấp.

Học phần Điều phối cấp cứu đề cập đến những vấn đề về việc điều phối phân cấp trong xử lý các tình huống cấp cứu. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản và những kỹ năng phù hợp của điều phối viên về việc quản lý điều hành và phân cấp xử lý trong tình huống cấp cứu nhằm nâng cao chất lượng hỗ trợ nạn nhân và người nhà nạn nhân. Học phần cũng đề cập đến các kiến thức chuyên ngành nhằm giúp sinh viên củng cố và cập nhật kiến thức chuyên ngành mới để ứng dụng vào việc điều phối.

43. Cấp cứu ban đầu nâng cao - 2(0,2)

Học phần học trước: Cấp cứu ban đầu.

Học phần "Cấp cứu ban đầu nâng cao" được thiết kế nhằm mở rộng và nâng cao kiến thức, kỹ năng cấp cứu cơ bản, tập trung vào các kỹ thuật và quy trình chuyên sâu hơn, phục vụ cho những tình huống khẩn cấp phức tạp. Học phần này giúp sinh viên cấp cứu ngoại viện phát triển năng lực xử lý các tình huống nguy cấp đòi hỏi sự can thiệp nhanh chóng và chính xác trong môi trường lâm sàng, góp phần tối ưu hóa khả năng cứu sống nạn nhân.

44. Cấp cứu ngoại viện 1 - 4(2,2)

Học phần học trước: Đánh giá thể chất và sức khoẻ; Điều dưỡng cơ sở 1, 2; Cấp cứu ban đầu; Bệnh lý Nội khoa; Bệnh lý Ngoại khoa; Bệnh lý Nhi khoa; Bệnh lý Sản phụ khoa; Bệnh lý Truyền nhiễm; Tâm thần và lạm dụng thuốc.

Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng cấp cứu ngoại viện liên quan đến các trường hợp cấp cứu Nội khoa, Ngoại khoa, chấn thương. Sinh viên được trang bị các khái niệm về công tác chuẩn bị và chăm sóc cấp cứu cơ bản bên ngoài bệnh viện. Học phần cũng đề cập đến các kiến thức chuyên ngành để nhằm mục đích giúp sinh viên củng cố và cập nhật kiến thức chuyên ngành mới giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức chuyên ngành đã học vào việc tiếp cận, nhận định, xử trí và chăm sóc người bệnh trong cấp cứu nhanh chóng, an toàn và hiệu quả đưa nạn nhân ra khỏi nguy hiểm, đảm bảo mạng sống của nạn nhân.

45. Thực hành Cấp cứu ngoại viện 1 - 4(0,4)

Học phần học trước: Cấp cứu ngoại viện 1.

Học phần vận dụng kiến thức về thực hành chuyên sâu về cấp cứu ngoại viện về cấp cứu nội khoa, ngoại khoa và chấn thương nhằm thực hiện thành thạo các bước xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu nội khoa, ngoại khoa và chấn thương thường gặp trong cộng đồng cần được cấp cứu ngoại viện, đảm bảo nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

46. Cấp cứu ngoại viện 2 - 3(1,2)

Học phần học trước: Cấp cứu ngoại viện 1; Thực hành Cấp cứu ngoại viện 1.

Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng cấp cứu ngoại viện liên quan đến các trường hợp cấp cứu Nhi khoa, Sản phụ khoa, bệnh truyền nhiễm. Sinh viên được cung cấp các khái niệm về công tác chuẩn bị và chăm sóc cấp cứu cơ bản bên ngoài bệnh viện. Học phần cũng đề cập đến các kiến thức chuyên ngành để nhằm mục đích giúp sinh viên củng cố và cập nhật kiến thức chuyên ngành mới giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức chuyên ngành đã học vào việc tiếp cận, nhận định, xử trí và chăm sóc người bệnh trong cấp cứu nhanh chóng, an toàn và hiệu quả đưa nạn nhân ra khỏi nguy hiểm, đảm bảo mạng sống của nạn nhân.

47. Thực hành Cấp cứu ngoại viện 2 - 3(0,3)

Học phần học trước: Cấp cứu ngoại viện 2.

Học phần vận dụng kiến thức về thực hành chuyên sâu về cấp cứu ngoại viện về cấp cứu nhi khoa, sản khoa và các bệnh truyền nhiễm nhằm thực hiện thành thạo các bước xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu bệnh lý nhi khoa, sản khoa và các bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng cần được cấp cứu ngoại viện, đảm bảo nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

48. Ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng phương tiện, trang thiết bị trong cấp cứu ngoại viện - 2(0,2)

Học phần học trước: Tin học đại cương.

Học phần Sử dụng phương tiện, trang thiết bị trong cấp cứu ngoại viện đề cập đến việc sử dụng, vận hành và bảo quản các trang thiết bị y tế, dụng cụ y khoa trong xử lý các tình huống cấp cứu. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản và những kỹ năng phù hợp của người cấp cứu viên ngoại viện về việc quản lý vận hành và sử dụng trong tình huống cấp cứu nhằm nâng cao chất lượng hỗ trợ nạn nhân và người nhà nạn nhân.

Học phần cũng đề cập đến các kiến thức chuyên ngành cơ bản ban đầu nhằm giúp sinh viên tiếp cận kiến thức chuyên ngành mới để ứng dụng vào quá trình học tập.

49. Thực hành Hồi sức cấp cứu - 2(0,2)

Học phần học trước: Hồi sức cấp cứu.

Học phần này giúp sinh viên áp dụng những kiến thức đã học ở môn Hồi sức cấp cứu để theo dõi sự diễn tiến của người bệnh trên lâm sàng. Sinh viên sẽ có cơ hội theo dõi tình trạng người bệnh trên lâm sàng, các kết quả cận lâm sàng theo diễn tiến của người bệnh cần Hồi sức, nhận biết được tác dụng của điều trị, xử trí trên người bệnh hồi sức. Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên có khả năng nhận biết và xử lý linh hoạt, nhanh nhạy một số trường hợp cấp cứu có thể xảy ra trên lâm sàng.

50. Ứng phó thương vong hàng loạt và thảm họa - 3(2,1)

Học phần học trước: Hợp tác đa ngành và điều phối cấp cứu; Cấp cứu ngoại viện 1; Cấp cứu ngoại viện 2.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng xoay quanh công tác ứng phó với một tình huống thương vong hàng loạt hoặc thảm họa. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn vai trò và nhiệm vụ của nhân viên y tế hay cụ thể hơn là người cấp cứu viên ngoại viện khi đứng trước một tình huống thiên tai thảm họa.

✓

51. Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa chống độc - 2(0,2)

Học phần học trước: Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.

Nội dung môn học trang bị cho người học kiến thức xử trí chuyên về tai nạn hồi sức cấp cứu chống độc, thực hiện đúng quy trình các kỹ năng tiếp cận, xử trí ban đầu và vận chuyển an toàn nạn nhân tai nạn cấp cứu chống độc.

52. Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bỏng - 2(0,2)

Học phần học trước: Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.

Nội dung học phần trang bị cho người học kiến thức thực hành chuyên về cấp cứu nạn nhân bỏng, thực hiện đúng quy trình các bước tiếp cận, xử trí ban đầu và vận chuyển an toàn nạn nhân bỏng.

53. Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa chấn thương - chỉnh hình - 2(0,2)

Học phần học trước: Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.

Nội dung môn học trang bị cho người học những kiến thức thực hành chuyên về xử lý tình huống cấp cứu chấn thương - chỉnh hình trong cấp cứu ngoại viện, thực hiện đúng quy trình các kỹ năng tiếp cận, xử trí ban đầu và vận chuyển an toàn những tai nạn chấn thương - chỉnh hình.

54. Thực hành Cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bệnh lý mạch máu nội khoa - 2(0,2)

Học phần học trước: Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức thực hành chuyên về bệnh lý mạch máu nội khoa trong cấp cứu ngoại viện, thực hiện đúng quy trình các kỹ năng tiếp cận, xử trí ban đầu và vận chuyển an toàn trong cấp cứu ngoại viện chuyên khoa bệnh lý mạch máu nội khoa.

55. Quản lý hệ thống điều phối cấp cứu - 2(0,2)

Học phần học trước: Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc.

Học phần Quản lý hệ thống điều phối cấp cứu những vấn đề về việc điều phối phân cấp nâng cao trong xử lý các tình huống cấp cứu. Sinh viên được cung cấp các kiến thức nâng cao trong việc quản lý điều hành và phân cấp xử lý trong tình huống cấp cứu đặc biệt nhằm nâng cao chất lượng hỗ trợ nạn nhân và người nhà nạn nhân.

56. Khóa luận tốt nghiệp - 8(0,8)

Học phần học trước: Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc và chuyên ngành tự chọn.

Tại thời điểm công bố danh sách chính thức viết Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy đầy đủ số tín chỉ của chương trình đào tạo theo quy định, phải có điểm trung bình chung tích lũy xếp loại từ khá trở lên; Tỷ lệ sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp không quá 10% hoặc theo quyết định cụ thể theo từng năm học. Ngoài ra, sinh viên không vi phạm nghĩa vụ nộp học phí, không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học, sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Cấp cứu ngoại viện.



Handwritten signature or mark.

57. Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp (Đề án cải tiến chất lượng)- 8(0,8)

Học phần học trước: Sau khi hoàn thành học phần chuyên ngành bắt buộc và chuyên ngành tự chọn.

Học phần này cung cấp cho sinh viên cơ hội đảm nhận trách nhiệm chính cho việc học của mình trong nghiên cứu các tình huống liên quan đến Cấp cứu ngoại viện. Sinh viên tạo ra các dự án phản ánh các quan điểm hiện tại về thực hành Cấp cứu ngoại viện và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng. Với kiến thức độc đáo của mỗi sinh viên sẽ được áp dụng làm bối cảnh học tập để nâng cao kỹ năng Cấp cứu chuyên nghiệp của sinh viên và làm phong phú thêm sự phát triển nghề nghiệp của họ.

58. Thực tế tốt nghiệp - 4(0,4)

Học phần học trước: Tất cả các học phần.

Học phần Thực tập tốt nghiệp là một bộ phận quan trọng trong chương trình đào tạo, giúp cho sinh viên tích lũy và hoàn thiện được các năng lực cần thiết của người Cấp cứu ngoại viện trình độ đại học trong thực hành nghề nghiệp trước khi tốt nghiệp ra trường công tác, bao gồm: năng lực nhận định, phân tích đánh giá tình trạng người bệnh/nạn nhân, thực hiện chăm sóc cấp cứu an toàn và hiệu quả, năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, năng lực tư duy tích cực, năng lực quản lý lãnh đạo và năng lực làm việc theo đạo đức nghề nghiệp và pháp luật. Ngoài ra nội dung học phần còn trang bị cho người học những kiến thức lâm sàng và kỹ năng thực hành chuyên nghiệp về Cấp cứu ngoại viện như một nhân viên cấp cứu.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

2

